Đề lý thuyết 11:

1. **Nồng độ bụi đầu vào / đầu ra khỏi bộ lọc bụi tĩnh điện theo thiết kế của nhà sản suất là:0.2đ**
2. **42,2934 g/Nm3  và 95 mg/Nm3.**
3. 40,12 g/Nm3  và 90,2 mg/Nm3.
4. 42,2934 g/Nm3  và 90 mg/Nm3.
5. 46,18 g/Nm3  và 95 mg/Nm3
6. **Khi cơ cấu búa gõ làm sạch bản cực bị hỏng ta có đưa máy biến áp trường vào vận hành được không:0.2đ**
7. Đưa tất cả các trường vào vận hành bình thường.
8. Đưa tất cả các trường vào vận hành với dòng giới hạn thấp.
9. Chỉ đưa trường 1 vào vận hành.
10. **Không, chỉ đưa vào khi đã sửa chữa xong.**
11. **Khi nguồn điện cấp cho máy biến áp trường tự động ngắt không rõ lý do thì ta phải:0.2đ**
12. Đóng nguồn và cho chạy lại.
13. **Đóng nguồn lại 1 lần, nếu tiếp tục ngắt cần tìm ra nguyên nhân và khắc phục sau đó có thể khởi động lại.**
14. Cho ngừng ngay máy biến áp đó.
15. Không làm gì cả.
16. **Khi nào phải chuyển chế độ làm việc của bộ sấy sứ từ chế độ tự động (auto) sang chế độ bằng tay (man):0.2đ**
17. Nhiệt độ khoang chứa sứ cách điện nhỏ hơn 800C, bộ gia nhiệt không thể đưa sang chế độ tự động.
18. Lỗi hiển thị nhiệt độ, tùy theo điều kiện thực tế kết hợp với trường hợp nhiệt độ khoang chứa sứ nhỏ hơn 800C.
19. Cả a và b điều sai.
20. **Cả a và b đúng.**
21. **Khi máy biến áp trường xuất hiện phóng điện bao nhiêu lần/phút thì ta tiến hành giảm dòng cài đặt:0.2đ**
22. Tần suất 50/phút.
23. Tần suất 60/ phút.
24. **Tần suất 70/phút.**
25. Tần suất 80/phút.
26. **Nhiệt độ cài đặt của bộ gia nhiệt sấy sứ cách điện cao áp máy biến áp trường là:0.2đ**
27. 600 C.
28. 700 C.
29. **750C.**
30. 800C.
31. **Theo tài liệu mới nhất khi tải lò <40% RO thì đưa máy biến áp trường nào vào vận hành:0.2đ**
32. Tất cả các trường.
33. **Trường 1,2.**
34. Trường 2, 3, 4, 5.
35. Trường 5.
36. **Khi bắt đầu đưa máy biến áp trường số……..vào vận hành khi tải lò <40% RO thì điều chỉnh điện áp ngõ ra gần bằng …….. kV (đưa máy biến áp trường vào làm việc ở tải thấp):0.2đ**
37. Trường số 1/ 15kV
38. Trường số 2, 3, 4, 5/ 15 kV.
39. **Trường số 1/ 20 kV.**
40. Trường số 2, 3, 4, 5/ 20 kV.
41. **Khi tải lò từ 40% RO đến 70% RO thì bắt đầu đưa máy biến áp trường ………… vào vận hành và điều chỉnh điện áp ngõ ra gần bằng……….kV (đưa máy biến áp trường vào làm việc ở tải thấp):0.2đ**
42. Trường số 1/ 15kV.
43. Trường số 2, 3, 4, 5/ 15kV.
44. Trường số 1/ 20kV.
45. **Trường số 2, 3, 4, 5/ 20kV.**
46. **Mỗi tổ máy của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 gồm bao nhiêu đường ống vận chuyển tro ra silo tro bay:0.2đ**
47. 3.
48. 4.
49. **5.**
50. 6.
51. **Nhiệm vụ của hệ thống lọc bụi tĩnh điện là? 0.2đ**
52. Tách và thu hồi tro bay trong sản phẩm cháy (khói) để bảo vệ môi trường.
53. Chống mài mòn cánh của quạt khói.
54. Hạn chế tro bụi ảnh hưởng đến sự vận hành của hệ thống khử lưu huỳnh.
55. **Tất cả điều đúng.**
56. **Lọc bụi tĩnh điện là thiết bị làm sạch tro bụi trong khói theo nguyên lý:0.2đ**
57. Cảm ứng điện từ.
58. **Phóng điện trong điện môi.**
59. a, b điều đúng.
60. a, b sai.
61. **Việc tách tro bụi lơ lửng từ dòng khói bởi bộ lọc bụi tĩnh điện chủ yếu gồm các quá trình vật lý sau:0.2đ**
62. Ion hóa không khí, tích điện cho hạt tro bụi lơ lửng.
63. Sự di chuyển của tro bụi tích điện đến các điện cực trái dấu.
64. **Ion hóa không khí, tích điện cho hạt tro bụi lơ lửng, sự di chuyển của tro bụi tích điện đến các điện cực trái dấu, lắng tro bụi bám ở các điện cực.**
65. Tất cả ý trên sai.
66. **Ưu điểm của hệ thống lọc bụi tĩnh điện là:0.2đ**
67. Hiệu suất khử bụi cao (nồng độ tro bụi trong khói giảm > 99%).
68. Thu hồi được các hạt bụi có kích thước rất nhỏ (0,1 micromet).
69. Tổn thất áp suất trên đường khói nhỏ; chịu được nhiệt độ cao.
70. **Tất cả ý trên đúng.**
71. **Nhược điểm của hệ thống lọc bụi tĩnh điện là:0.2đ**
72. **Chi phí vận hành và bảo dưỡng cao.**
73. Vận hành khó khăn.
74. Không chịu được nhiệt độ cao.
75. Không đạt hiệu quả cao.
76. **Diện tích thu gom bụi của hệ thống lọc bụi tĩnh điện theo thiết kế cho Nhà máy DH1 là? 0.2đ**
77. Theo thiết kế 90000 m2.
78. Theo thiết kế 91000 m2.
79. Theo thiết kế 92000 m2.
80. **Theo thiết kế 92416 m2.**
81. **Mỗi hệ thống lọc bụi tĩnh điện của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 gồm bao nhiêu búa gõ:0.2đ**
82. 560 búa gõ (160 búa gõ cực phóng và 400 búa gõ cực lắng).
83. 560 búa gõ (400 búa gõ cực phóng và 160 búa gõ cực lắng).
84. **720 búa gõ (160 búa gõ cực phóng và 560 búa gõ cực lắng).**
85. 720 búa gõ (560 búa gõ cực phóng và 160 búa gõ cực lắng).
86. **Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu suất của hệ thống lọc bụi tĩnh điện:0.2đ**
87. Điện áp phóng điện; tốc độ dòng khói đi qua các trường của hệ thống lọc bụi tĩnh điện; nồng độ tro bụi trong khói; nhiệt độ khói vào hệ thống lọc bụi tĩnh điện.
88. Độ ẩm của khói vào hệ thống lọc bụi tĩnh điện; mức tro trong phễu tro của hệ thống lọc bụi tĩnh điện; độ sạch của bản cực; tần suất búa gõ.
89. Độ chính xác của HT đo lường điều khiển; thành phần cơ lý hóa của khói; sự làm việc nhịp nhàng của thiết bị đo lường và điều khiển.
90. **Tất cả ý trên đúng.**
91. **Điện áp phía sơ cấp của máy biến áp trường là bao nhiêu Vôn (V):0.2đ**
92. Điện áp là 110 Vac.
93. Điện áp là 220 Vac.
94. Điện áp là 380 Vac.
95. **Điện áp là 400 Vac.**
96. **Điện áp ngõ ra của máy biến áp trường theo thiết kế là:0.2đ**
97. Điện áp là 60 kV.
98. Điện áp là 70 kV.
99. **Điện áp là 72 kV.**
100. Điện áp là 82 kV.
101. **Trong 5 đường ống vận chuyển tro ra silo thì mỗi lần vận chuyển được bao nhiêu đường:0.2đ**
102. 1.
103. 2.
104. 3.
105. **Tất cả 5 đường.**
106. **Giá trị áp suất cài đặt để đóng/ mở van tăng áp bypass của trường 1, 2, 3, 4, 5 là:0.2đ**
107. 200/280.
108. **220/280.**
109. 200/380.
110. 220/380.
111. **Áp suất khí nén sục phễu tăng đến giá trị bao nhiêu thì máy nén khí sục phễu sẽ Trip:0.2đ**
112. **60 kPa.**
113. 65 kPa.
114. 70 kPa.
115. 75 kPa.
116. **Lượng khí sục phểu tiêu thụ cho 1 phễu tro là:0.2đ**
117. 0,86 Nm3/min.
118. 0,76 Nm3/min.
119. **0,68 Nm3/min.**
120. 0,78 Nm3/min.
121. **Nhiệt độ ổ đỡ động cơ quạt khói (đầu dẫn động và không dẫn động) tăng đến giá trị bao nhiêu thì quạt sẽ Trip:0.2đ**
122. 70 0 C.
123. 75 0C.
124. **80 0C.**
125. 85 0C.
126. **Nhiệm vụ chính của vận hành viên ESP là:0.2đ**
127. Trực tiếp vận hành và xử lý các trường hợp không bình thường của thiết bị của hệ thống ESP.
128. Bảo quản, sử dụng đúng mục đích và đảm bảo tính sẵn sàng của thiết bị, trang bị phòng cháy chữa cháy được bố trí tại vị trí vận hành.
129. **Thực hiện và quản lý kỹ thuật vận hành, bảo quản các tài liệu kỹ thuật được trang bị tại vị trí vận hành. Tham gia cùng các chức danh trong kíp quản lý, bảo vệ tất cả các thiết bị chính, phụ của hệ thông được phân công theo quy định.**
130. Tất cả A, B, C đều đúng.
131. **Những quy định chung mà vận hành viên ESP cần thực hiện gồm có mấy điều?0.2đ**
132. 6 điều.
133. 5 điều.
134. 7 điều.
135. **9 điều.**
136. **Điều 4 trong những quy định chung vận hành viên ESP trong ca trực chịu sự quản lý của ai?0.2đ**
137. Trưởng ca, máy trưởng, trưởng kíp lò- máy, lãnh đạo phân xưởng.
138. Máy trưởng, trưởng ca, trưởng kíp lò- máy, lãnh đạo phân xưởng.
139. **Trưởng ca, trưởng kíp lò- máy, lò trưởng Phân xưởng vận hành.**
140. Lãnh đạo phân xưởng, trưởng ca, máy trưởng, lò trưởng.
141. **Anh chị hãy chọn câu đúng nhất nội dung trong điều 1 của những quy định chung?0.2đ**
142. **Vận hành viên hệ thống ESP là chức danh dưới quyền lò trưởng, trực tiếp thao tác và quản lý toàn bộ hệ thống thiết bị ESP trong một ca, đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy, ổn định và kinh tế.**
143. Vận hành viên hệ thống ESP là chức danh dưới quyền máy trưởng, trực tiếp thao tác và quản lý toàn bộ hệ thống thiết bị ESP trong một ca, đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy, ổn định và kinh tế.
144. Vận hành viên hệ thống ESP là chức danh dưới quyền lò trưởng, trưởng ca , trực tiếp thao tác và tham gia quản lý toàn bộ hệ thống thiết bị ESP trong một ca, đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy, ổn định và kinh tế.
145. Vận hành viên hệ thống ESP là chức danh dưới quyền lò trưởng, trưởng kíp lò máy trực tiếp thao tác và tham gia quản lý toàn bộ hệ thống thiết bị ESP trong một ca, đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy, ổn định và kinh tế.
146. **Khi phát hiện những sự cố, hỏng hóc thiết bị nghiên trọng, những khó khăn không đảm bảo sản xuất hoặc nhân viên vi phạm quy trình quy phạm thì phải lập tức báo cáo:0.2đ**
147. Lãnh đạo phân xưởng, trưởng ca, trưởng kíp lò máy.
148. Trưởng ca, trưởng kíp lò máy.
149. **Trưởng ca, trưởng kíp lò máy, lò trưởng để cùng có biện pháp xử lý sự cố, duy trì sản xuất.**
150. Máy trưởng, trưởng ca, lãnh đạo phân xưởng.
151. **Điều 16 trong mục 1 của phần nhiệm vụ có nội dung gì?0.2đ**
152. Tham gia lập và tổ chức thực hiện phương thức vận hành tối ưu với thiết bị hiện có, đảm bảo sản xuất an toàn, liên tục, kinh tế.
153. **Thường xuyên kiểm tra, theo dõi tiêu hao vật tư, hóa phẩm cho vận hành và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đạt được trong ca.**
154. Thường xuyên theo dõi tiêu hao vật tư, kiểm tra hóa phẩm cho vận hành và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đạt được trong ca.
155. Tham gia công việc sửa chữa và thử nghiệm thiết bị định kỳ, tổ chức diễn tập xử lý sự cố.
156. **Chương II trong phần nội dung nhiệm vụ của quy trình nhiệm vụ vận hành viên ESP có mấy điều?0.2đ**
157. **14 điều.**
158. 13 điều.
159. 12 điều.
160. 15 điều.
161. **Quy trình giao nhân ca đối với người nhận ca:0.2đ**
162. **Người nhận ca phải có mặt ở vị trí sản suất trước 30 phút để tìm hiểu tình hình, sơ đồ và chế độ làm việc của thiết bị (phương thức vận hành, tình trạng lam việc…) thuộc phạm vi mình quản lý.**
163. Người nhận ca phải có mặt ở vị trí sản suất trước 10 phút để tìm hiểu tình hình, sơ đồ và chế độ làm việc của thiết bị (phương thức vận hành, tình trạng lam việc…) thuộc phạm vi mình quản lý.
164. Người nhận ca phải có mặt ở vị trí sản suất lúc giao ca.
165. Người nhận ca có mặt ở vị trí sản xuất lúc nào cũng được.
166. **Vận hành viên ESP hoàn toàn chịu trách nhiệm về những trường hợp nào sau đây:0.2đ**
167. **Chịu trách nhiệm trong trường hợp ngừng, hỏng hóc thiết bị, tai nạn lao động và cháy nổ, mất mát thiết bị do lỗi chủ quan của mình hoặc do người vào đơn vị vào vị trí làm việc của mình gây ra trong ca mà đã không kịp thời có biện pháp phòng chống, ngăn chặn.**
168. Chịu trách nhiệm trong trường hợp ngừng, hỏng hóc thiết bị, tai nạn lao động và cháy nổ, mất mát thiết bị do lỗi thiết bị.
169. Chịu trách nhiệm trong trường hợp ngừng, hỏng hóc thiết bị, tai nạn lao động và cháy nổ, mất mát thiết bị do yếu tố thời tiết.
170. Cả A, B, C đều đúng.
171. **Cá nhân, đơn vị nào có trách nhiệm bảo quản thiết bị phòng cháy chữa cháy được trang bị tại vị trí ESP?0.2đ**
172. Phòng an toàn.
173. **Vận hành viên ESP.**
174. An toàn vệ sinh viên.
175. Phân xưởng vận hành.
176. **Trong thời gian trực ca, vận hành viên ESP được rời khỏi vị trí khi nào?0.2đ**
177. Khi có sự cố ở vị trí khác cần người hổ trợ.
178. Khi xảy ra cháy ở vị trí khác cần người hổ trợ.
179. Khi có sự điều động của lãnh đạo phân xưởng vận hành.
180. **Khi có sự cho phép của trưởng ca, trưởng kíp lò – máy.**
181. **Trong thời gian trực ca, vận hành viên ESP phải:0.2đ**
182. Chấp hành mệnh lệnh của lò trưởng, trưởng kíp một cách nhanh chóng, nghiêm túc không bàn cãi.
183. **Chấp hành mệnh lệnh của lò trưởng, trưởng kíp một cách nhanh chóng, nghiêm túc không bàn cãi.Trường hợp nếu nhận lệnh mà thấy nguy hiểm đến tính mạng con người và thiết bị thì có quyền từ chối không thi hành và phải báo ngay cho lãnh đạo cấp cao hơn. Khi không chấp hành lệnh phải giải thích rõ ràng sau đó ghi chi tiết vào sổ nhật ký vận hành.**
184. Chấp hành mệnh lệnh của lò trưởng, trưởng kíp khi mệnh lệnh đúng quy trình vận hành.
185. Cả A, B, C đều đúng.
186. **Khi có mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên liên quan đến vận hành, vận hành viên ESP phải:0.2đ**
187. Thực hiện một cách nhanh chóng, nghiêm túc không bàn cãi. Sau đó ghi đầy đủ vào sổ nhật ký vận hành.
188. Thực hiện một cách nhanh chóng, nghiêm túc không bàn cãi. Trường hợp nếu nhận lệnh mà thấy nguy hiểm đến tính mạng con người và thiết bị thì có quyền từ chói không thi hành.
189. **Phải thông qua trưởng kíp và phải được trưởng ca, trưởng kíp đồng ý mới được thi hành.**
190. Thực hiện một cách từ từ đảm bảo an toàn và không để xảy ra sự cố. Sau đó ghi đầy đủ vào sổ nhật ký vận hành.
191. **Trong khi chuẩn bị giao nhận ca mà có sự cố hỏa hoạn thì người nhận ca phải:0.2đ**
192. Nhanh chóng rút ra khỏi vị trí sản xuất để người trực ca đương nhiệm xử lý xong mới vào nhận ca.
193. Nhanh chóng cắt cầu dao điện các thiết bị điện và hổ trợ chữa cháy.
194. Trông coi và thao tác thiết bị để người trực ca đương nhiệm chữa cháy. Đảm bảo thiết bị vận hành bình thường.
195. **Sau khi trực ca cũ đã cắt điện các thiết bị thì người đến nhận ca cùng tham gia chữa cháy theo đúng quy trình PCCC đã ban hành và tuyệt đối không tự ý thực hiện bất kỳ thao tác nào khi chưa có sự đồng ý của nhân viên đang trực.**
196. **Theo quy trình giao nhận ca, người nhận ca phải có mặt tại vị trí sản xuất khi nào?0.2đ**
197. Trước 20 phút để tìm hiểu tình hình, sơ đồ và chế độ làm việc của thiết bị (Phương thức vận hành, trình trạng làm việc…) thuộc phạm vi mình quản lý.
198. **Trước 30 phút để tìm hiểu tình hình, sơ đồ và chế độ làm việc của thiết bị (Phương thức vận hành, trình trạng làm việc…) thuộc phạm vi mình quản lý.**
199. Trước 10 phút để tìm hiểu tình hình, sơ đồ và chế độ làm việc của thiết bị (Phương thức vận hành, trình trạng làm việc …) thuộc phạm vi mình quản lý.
200. Có mặt tại vị trí sản xuất ngay lúc giao ca.
201. **Công việc làm ở thiết bị điện ngoài trời hoặc trong nhà chỉ có một phần được cắt điện để làm việc hoặc thiết bị điện được cắt điện hoàn toàn nhưng các lối đi ra phần phân phối ngoài trời hoặc thông sang phòng bên cạch có điện vẫn mở cửa - là:0.2đ**
202. **Làm việc có cắt điện một phần.**
203. Làm việc có cắt điện hoàn toàn.
204. Làm việc có điện.
205. Cả a, b và c đều sai.
206. **Công việc làm ở thiết bị đang mang điện, có sử dụng các trang bị, dụng cụ chuyên dùng là:0.2đ**
207. Làm việc có cắt điện một phần.
208. Làm việc có cắt điện hoàn toàn.
209. **Làm việc có điện.**
210. Cả a, b và c đều sai.
211. **Để đảm bảo an toàn, khi phát hiện công nhân viên vi phạm Quy trình an toàn điện và các quy trình có liên quan khác, có nguy cơ đe dọa đến tính mạng con người và an toàn thiết bị, người phát hiện phải:0.2đ**
212. Lập tức ngăn chặn.
213. Báo cáo với cấp có thẩm quyền.
214. Lập tức ngăn chặn và báo cáo với cấp trên.
215. **Cả a và b.**
216. **Có bao nhiêu chức danh trong Lệnh công tác?0.2đ**
217. 04 chức danh.
218. **05 chức danh.**
219. 06 chức danh.
220. 07 chức danh.
221. **Lệnh công tác là gì?0.2đ**
222. Là lệnh được viết theo mẫu “Lệnh công tác”.
223. Lệnh của trưởng ca trực tiếp ra lệnh bằng lời nói (hay qua điện thoại, bộ đàm, interphone) để thực hiện công việc ở thiết bị điện và vật liệu.
224. **Cả hai câu trên đúng.**
225. Cả hai câu trên sai.
226. **Quy định ra lệnh công tác:0.2đ**
227. Trong giờ hành chính, quản đốc, phó quản đốc phân xưởng Điện – Tự động; trường hợp quản đốc, phó quản đốc phân xưởng Điện – Tự động đi vắng, người ra lệnh công tác là trưởng ca, trưởng kíp vận hành.
228. Trong giờ hành chính, quản đốc, phó quản đốc phân xưởng Điện – Tự động; trường hợp quản đốc, phó quản đốc phân xưởng Điện – Tự động đi vắng, người ra lệnh công tác là trưởng ca, trưởng kíp vận hành. Ngoài giờ tầm hoặc các ngày nghỉ Lễ, Tết, là trưởng ca, trưởng kíp vận hành đương nhiệm.
229. **Trong giờ hành chính, Quản đốc, phó quản đốc phân xưởng Điện – Tự động; trường hợp quản đốc, phó quản đốc phân xưởng Điện – Tự động đi vắng, người ra lệnh công tác là trưởng ca, trưởng kíp vận hành đương nhiệm. Ngoài giờ tầm hoặc các ngày nghỉ Lễ, Tết, là trưởng ca, trưởng kíp vận hành đương nhiệm.**
230. Cả ba câu trên đều sai.
231. **Khi di chuyển nơi làm việc trong phạm vi cho phép của phiếu công tác, người chỉ huy trực tiếp và đơn vị công tác chỉ được làm việc ở những vị trí nào?0.2đ**
232. **Ở một nơi (vị trí) xác định trong các vị trí cần di chuyển tới.**
233. Được làm việc ở một số vị trí mà người chỉ huy giám sát được hết nhân viên đơn vị.
234. Có thể tổ chức cùng làm việc nhiều vị trí trong phạm vi cho phép của phiếu công tác.
235. Cả a, b và c.
236. **Ở nơi có nhân viên trực vận hành thường xuyên, khi di chuyển đến vị trí làm việc tiếp theo trong một phiếu công tác, cần phải tổ chức cho phép như thế nào?0.2đ**
237. Không cần làm thủ tục cho phép.
238. **Do người cho phép tiến hành thủ tục cho phép làm việc.**
239. Có sự thống nhất giữa đơn vị làm công việc với đơn vị quản lý vận hành
240. Cả a, b và c.
241. **Khi di chuyển mà ở nơi làm việc tiếp theo không được cắt điện hoặc phải thực hiện cắt điện, hay có cấp điện áp khác, thì phải làm thủ tục như thế nào?0.2đ**
242. Do người cho phép tiến hành thủ tục cho phép làm việc.
243. **Cho phép làm việc theo phiếu công tác mới.**
244. Có sự thống nhất giữa đơn vị làm công việc với đơn vị quản lý vận hành.
245. Có sự thống nhất giữa đơn vị làm công việc với đơn vị quản lý vận hành về những nơi (vị trí) sẽ di chuyển trong quá trình làm công việc và phải được sự chỉ dẫn chi tiết từ ban đầu của người cho phép.
246. **Nếu công việc phải kéo dài nhiều ngày thì sau mỗi ngày làm việc đơn vị công tác phải:0.2đ**
247. Thu dọn nơi làm việc, lối đi; tháo gỡ biển báo, rào chắn, nối (tiếp) đất.
248. Thu dọn nơi làm việc, lối đi; giữ nguyên biển báo, rào chắn, nối (tiếp) đất. Trong mọi trường hợp người CHTT được giữ lại Phiếu công tác.
249. **Thu dọn nơi làm việc, lối đi; giữ nguyên biển báo, rào chắn, nối (tiếp) đất. Người CHTT phải giao lại Phiếu công tác và những việc liên quan cho người cho phép, đồng thời hai bên phải cùng ký vào phiếu.**
250. Cả a, b và c.